

## 4. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

### 4.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Ngữ văn

Mục tiêu dạy học của môn Ngữ văn trong chương trình mới là phát triển các phẩm chất, năng lực ngôn ngữ (gồm bốn kỹ năng đọc, viết, nói – nghe) và năng lực văn học. Năng lực là khả năng hành động, khả năng giải quyết vấn đề. Vì thế, khi thực hiện chương

trình mới, GV cần chuyển từ cách dạy truyền thụ kiến thức cho HS sang hướng dẫn, tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập, qua đó hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực, cụ thể là:

- Tổ chức cho HS học thông qua trải nghiệm: đọc VB, quan sát mẫu, trả lời câu hỏi, diễn kịch, thuyết trình, thảo luận, giải quyết tình huống, vẽ tranh,... từ đó tự kiến tạo tri thức cho bản thân.

- Dạy kĩ năng thông qua việc dạy kiến thức để HS không chỉ hiểu nội dung VB mà còn biết cách đọc các VB khác cùng thể loại.

- Tổ chức cho HS thảo luận, tương tác trong nhóm nhỏ, nhóm lớn để học cách tiếp cận vấn đề dưới nhiều góc độ, học kĩ năng giao tiếp (nói, nghe, tương tác), kĩ năng hợp tác.

- Tổ chức cho HS suy ngẫm, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, từ đó điều chỉnh nhận thức của bản thân thông qua việc dùng bảng kiểm.

- Thiết kế hoạt động học tập cụ thể, rõ ràng, thể hiện được các yêu cầu cần đạt của bài học.

- Hướng dẫn, trợ giúp HS trong suốt quá trình học để HS từng bước đạt được yêu cầu mà chương trình đề ra.

- Tạo môi trường thân thiện để HS hăng hái tham gia hoạt động với tư cách chủ thể tích cực, sáng tạo.

- Phản hồi kịp thời, phù hợp, tế nhị để giúp HS tiến bộ đồng thời tạo động lực học tập cho HS.

- Phối hợp sử dụng nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học. Cơ sở của việc lựa chọn và phối hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học là yêu cầu cần đạt đối với từng bài học, nội dung bài học, đối tượng HS, thời gian cho phép và sở trường của GV.

- Sử dụng và hướng dẫn HS sử dụng công nghệ thông tin phù hợp, nhằm tạo cơ hội cho HS tìm kiếm, trình bày, phân tích thông tin, tránh trường hợp chiếu chép.

- Đa dạng hoá hình thức tổ chức hoạt động: theo nhóm và cá nhân, hoạt động trong lớp, ngoài lớp, ngoài trường, ở nhà.

## **4.2. Dạy đọc hiểu văn bản**

Để hướng dẫn HS không chỉ hiểu nội dung VB mà còn biết cách đọc VB khi thực hiện chương trình mới, GV cần phối hợp sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học, trong đó đặc biệt chú trọng các phương pháp và kĩ thuật được trình bày sau đây.

### **4.2.1. Thuyết trình**

Thuyết trình, giải thích ngắn gọn về những khái niệm trong mục *Tri thức đọc hiểu*, kết hợp với nêu ví dụ từ các VB để HS có được công cụ đọc hiểu VB. Trong quá trình dạy đọc hiểu VB, GV sẽ tiếp tục giúp HS hiểu các khái niệm này qua các hiện tượng cụ thể trong VB.

GV cũng có thể sử dụng phương pháp thuyết trình để trình bày, chia sẻ với HS về một vài cảm nhận của cá nhân đối với một khía cạnh cụ thể nào đó của VB. Tuy nhiên, hoạt động này nên hạn chế và chỉ nên thực hiện sau khi HS đã trình bày, chia sẻ những cảm nhận, suy nghĩ của các em về VB. Phương pháp thuyết trình được dùng trong những trường hợp này để tạo cảm xúc thẩm mĩ cho giờ học.

#### **4.2.2. Làm mẫu kĩ năng đọc**

Một trong những cách học phổ biến là học thông qua quan sát mẫu. Học bằng cách quan sát là cách học cho phép HS học hành vi mới một cách hiệu quả, giảm thiểu được sự thất bại nếu tự học. Để đọc hiểu được một VB, người đọc phải sử dụng rất nhiều kĩ năng: liên tưởng, tưởng tượng, truy xuất kiến thức nền, suy luận, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, dự đoán, kiểm soát cách hiểu. Vì thế, GV cần phải làm mẫu cách đọc để HS không chỉ đọc được những VB trong SGK mà còn biết cách đọc các loại VB khác, ngoài chương trình học.

Làm mẫu cách đọc là biện pháp GV vừa đọc vừa nói to những suy nghĩ, những gì mình chú ý, tưởng tượng, cảm xúc, suy đoán, ... về VB. Bằng cách nói to những suy nghĩ của mình, GV giúp cho HS quan sát được cách mà một người đọc có kĩ năng sử dụng trong quá trình đọc.

Đối với mỗi chủ điểm, GV có thể chọn một kĩ năng đọc (trong *Bảng thuật ngữ kĩ năng đọc*) để làm mẫu cách đọc cho HS. Tiến trình làm mẫu như sau:

- GV giải thích ngắn gọn về kĩ năng đó.
- Sau đó, chọn một đoạn trong VB (có thể chiếu trên màn hình).
- Đọc to đoạn đó và gạch chân/ đánh dấu vị trí mà GV định làm mẫu.
- Làm mẫu cách sử dụng kĩ năng đó bằng cách nói to những suy nghĩ trong đầu mình khi đọc, ví dụ:

- + Từ này nên được hiểu như thế nào?
- + Mình đã gặp từ này trong đoạn trước.
- + Có lẽ từ này nên được hiểu là...
- + ...

Sau đó, GV dành vài phút cho HS thực hành trong nhóm kĩ năng đọc vừa học.

#### **4.2.3. Đàm thoại gợi mở**

Một trong những mục đích quan trọng của dạy học là phát triển năng lực tư duy cho HS. Câu hỏi và trả lời câu hỏi là một trong những công cụ hiệu quả để hình thành và phát triển năng lực tư duy sáng tạo, kĩ năng giao tiếp cho HS. Đọc chính là quá trình tư duy, đồng thời là quá trình trải nghiệm, khám phá VB. Bản thân ngôn từ trong VB có tính đa nghĩa, mỗi người đọc lại có tri thức nền khác nhau nên một từ ngữ, hình ảnh có thể gợi lên



những cách hiểu khác nhau, đặc biệt là đối với VB văn chương. Sự đa dạng về cách hiểu VB giúp HS có cơ hội thể hiện và tiếp nhận những cách nhìn khác nhau về VB, làm cho giờ học thêm hứng thú. Vì thế mà trong giờ đọc hiểu VB, vai trò của GV là tổ chức, hướng dẫn HS từng bước trải nghiệm, khám phá tri thức thông qua các câu hỏi, các hướng dẫn, không áp đặt, truyền thụ kiến thức một chiều, cũng không cung cấp sẵn câu trả lời cho HS.

Sử dụng câu hỏi trong dạy học nói chung, dạy đọc VB nói riêng là một phương pháp rất quan trọng, tạo cơ hội cho HS kiến tạo tri thức về VB, về thể loại, về cuộc sống, qua đó hình thành và phát triển năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề, giao tiếp, đồng thời đạt được những yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu VB mà CTGDPT 2018 môn Ngữ văn đã quy định.

Câu hỏi cần được sử dụng ở các cấp độ từ nhận biết đến phân tích, suy luận, liên hệ, vận dụng, đánh giá. Các cấp độ câu hỏi này phù hợp quy trình nhận thức về VB: từ nhận biết ngôn từ, hình ảnh, chi tiết, sự kiện đến phân tích, suy luận để khám phá ý nghĩa của các ngôn từ, hình ảnh, chi tiết, sự kiện đó, diễn giải mối quan hệ giữa chúng với tính cách nhân vật, chủ đề VB,... Qua đó, HS nhận ra tính chỉnh thể, tính thống nhất về nội dung và hoàn chỉnh về hình thức của VB.

**Loại câu hỏi nhận biết:** gồm những câu hỏi hướng dẫn HS tìm thông tin, chi tiết, từ ngữ, hình ảnh quan trọng, hiển thị trên VB. Việc tìm, xác định các thông tin, hình ảnh, từ ngữ, sự kiện là bước đầu tiên, vô cùng quan trọng của tiến trình đọc, là cơ sở để từ đó, tiến đến cấp độ thứ hai của tiến trình đọc là phân tích, suy luận ý nghĩa của những chi tiết, từ ngữ, hình ảnh đó. Loại câu hỏi nhận biết thường là: liệt kê, chỉ ra, tìm những từ ngữ, hình ảnh, hãy sắp xếp các sự kiện theo trình tự, xác định,...

**Loại câu hỏi phân tích, suy luận:** gồm câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu, khám phá, suy đoán những tầng ý nghĩa dưới bề mặt ngôn từ của VB, hướng dẫn HS sử dụng kiến thức nền của bản thân để giải mã và kiến tạo nghĩa cho các chi tiết, từ ngữ, hình ảnh mà HS đã tìm ra trước đó. Không những thế, nhóm câu hỏi này còn có tác dụng hướng dẫn HS khám phá mối liên hệ giữa các chi tiết, sự kiện, từ đó nhận ra tính chỉnh thể của VB và ý nghĩa, thông điệp của VB. Đây là nhóm câu hỏi mà GV cần sử dụng nhiều nhất trong quá trình dạy đọc VB. Nếu ở nhóm câu hỏi nhận biết, yêu cầu có câu trả lời đúng, thì với nhóm câu hỏi này, không có một đáp án duy nhất đúng, bởi vì ngoài việc dựa vào nguồn thông tin có sẵn trong VB, HS còn dựa vào kiến thức nền, khả năng tưởng tượng, sáng tạo của bản thân để tìm câu trả lời. Vấn đề là khi đưa ra những cách hiểu khác nhau, HS phải chứng minh, lí giải được cách hiểu của mình và GV cần tôn trọng những cách hiểu hợp lí của HS, không gò ép HS theo một cách hiểu duy nhất. Loại câu hỏi phân tích, suy luận rất phong phú, ví dụ:

- Ý nghĩa của từ ngữ/ hình ảnh... trong VB?
- Từ ngữ, hình ảnh này có thể hiểu theo những cách nào?
- Tác dụng của biện pháp... ?

- Vì sao nhân vật lại hành động như vậy?
- Vì sao tác giả viết như vậy?
- Dựa vào đâu mà em cho là như vậy?
- Nếu cần kể lại cho người khác về VB này, em sẽ nói gì?
- Ý chính của VB là gì?
- Luận điểm của VB này là gì ? Tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ luận điểm ấy?
- Thông điệp tác giả muốn gửi gắm trong VB là gì?
- Tác giả muốn thể hiện quan điểm gì qua VB này?
- Vẽ sơ đồ kết cấu VB.
- Viết đoạn văn tóm tắt VB.
- ...

**Loại câu hỏi so sánh, liên hệ, vận dụng, đánh giá:** Quá trình đọc cũng là quá trình người đọc phải sử dụng tri thức nền của mình để hiểu VB đồng thời để nhận thấy VB có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của mình. Vì thế, cần hướng dẫn HS liên hệ những vấn đề đặt ra trong VB với cuộc sống để hiểu VB cũng như hiểu cuộc sống, liên hệ VB này với VB khác để nhận biết nét đặc sắc của từng VB, liên hệ những gì được miêu tả, thể hiện trong VB với chính mình để hiểu VB và hiểu bản thân hơn. Đọc không phải chỉ để hiểu mà còn để đánh giá những cái hay của VB và những vấn đề của cuộc sống mà VB gọi lên, do vậy, cần hướng dẫn HS nhận xét những cái hay, thậm chí cái chưa hoàn chỉnh của VB, chứ không chỉ tiếp nhận VB một chiều. Qua đó, HS nhận thấy ý nghĩa của VB đối với cuộc sống của chính mình đồng thời hình thành khả năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện, sáng tạo. Loại câu hỏi đánh giá, liên hệ, vận dụng rất phong phú:

- Đánh giá như thế nào/ nhận xét gì về hành động của nhân vật/ về vấn đề mà tác giả đặt ra trong VB?
- VB/ sự kiện/ chi tiết này gợi nhớ điều gì về cuộc sống của em?
- Tính cách/ suy nghĩ/ cuộc sống của em có nét gì tương đồng hoặc khác biệt với nhân vật?
- Em đã gặp tình huống nào giống như nhân vật đã gặp?
- VB này có gì giống với những VB nào khác?
- Những chi tiết/ nhân vật/ sự kiện/ hình ảnh trong VB này khiến em liên tưởng tới VB nào khác?
- Điểm khác biệt giữa VB này và VB... là gì?
- VB có gợi cho em suy nghĩ điều gì về cuộc sống hiện nay?



– Em đã từng gặp câu chuyện/ nhân vật/ chi tiết... tương tự trong cuộc sống hay chưa? Điều đó gợi cho em suy nghĩ gì?

– Điều này có gì khác với thực tế mà em biết?

– VB/ nhân vật/ chi tiết này gợi cho em/ bạn suy nghĩ gì về cuộc đời/ con người?

– Nếu em ở trong hoàn cảnh/ vị trí của nhân vật, em có thể sẽ phản ứng như thế nào/ có những hành động, suy nghĩ, cảm xúc gì?

– Nếu em là tác giả, em sẽ cho nhân vật hành động như thế nào/ sẽ kết thúc tác phẩm như thế nào? Tại sao lại chọn cách xử lý như vậy?

Ngoài việc nêu câu hỏi cho HS trả lời, GV cần hướng dẫn và tạo cơ hội cho HS tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc và đặt câu hỏi cho bạn trong khi thảo luận. Điều này góp phần làm cho HS trở thành người đọc chủ động.

Ví dụ: GV có thể sử dụng thẻ thông tin để hướng dẫn HS cách đặt câu hỏi. Mỗi nhóm được phát một bộ thẻ tương ứng với số thành viên trong nhóm, tất cả các nhóm có bộ thẻ giống nhau. Các câu hỏi trong bộ thẻ có thể là:

Sự việc.. đã xảy ra như thế nào...?

Tại sao... lại như vậy?

Nguyên nhân của chuyện này là...

Điều gì có thể xảy ra nếu...

Nếu bạn là... bạn sẽ cảm thấy như thế nào...?

Nhân vật... được miêu tả thế nào?

GV có thể sử dụng kết hợp đàm thoại gợi mở với những phương pháp, kĩ thuật dạy học khác để hướng dẫn HS khám phá VB như: dạy học hợp tác, kĩ thuật sử dụng phiếu học tập, khăn trải bàn, động não, tia chớp, sơ đồ tư duy,...

#### 4.2.4. Đóng vai

Một trong những hình thức trải nghiệm VB thú vị đó là hoá thân vào nhân vật để cảm nhận sâu sắc những suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, để hiểu vì sao nhân vật hành xử như thế này mà không phải thế khác. Trong giờ đọc hiểu VB, GV nên tổ chức cho HS diễn kịch, đóng vai để tạo cho HS cơ hội thử nghiệm những vai trò, tình huống khác nhau trong một môi trường giả định an toàn. Khi diễn kịch, đóng vai, HS cơ có hội học cách ứng xử, trải nghiệm những cảm xúc khác nhau, phát triển trí tưởng tượng sáng tạo, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp, đồng thời giúp phát triển trí thông minh cảm xúc. Qua đó, HS học kiến thức một cách chủ động, thú vị, sáng tạo. GV có thể tổ chức cho HS:

– Phân vai, đọc diễn cảm một tác phẩm, thể hiện cảm xúc, tính cách nhân vật bằng giọng đọc.

– Tưởng tượng mình là một nhân vật trong VB để hình dung nếu mình ở trong hoàn cảnh của nhân vật đó thì mình sẽ giải quyết vấn đề như thế nào, sẽ có những cảm xúc, suy nghĩ gì.

– Mời một HS đóng vai nhân vật hoặc tác giả để những HS khác với vai trò là người đọc, nêu câu hỏi cho nhân vật hoặc tác giả.

– Sân khấu hoá một đoạn trích trong một VB văn học.

#### **4.2.5. Tổ chức cho học sinh tương tác trong giờ học**

Đọc là quá trình tương tác giữa VB/ tác giả với người đọc và giữa những người đọc với nhau. Ở mỗi thời điểm khác nhau, những người đọc với kiến thức nền, quan điểm khác nhau có thể có những cách lí giải khác nhau về VB. Tính đa nghĩa của hình tượng nghệ thuật cũng là một nhân tố góp phần tạo nên sự phong phú cho những cách lí giải đó. Trong nhà trường, hoạt động đọc là tiến trình tương tác giữa VB với người đọc – GV và với người đọc – HS.

Quan điểm kiến tạo kiến thức về đọc hiểu VB (constructivist view of reading comprehension) cho rằng người đọc – GV và người đọc – HS trong cộng đồng lớp học đều tham gia vào việc kiến tạo ý nghĩa cho VB. Quan điểm này coi việc hiểu VB bao gồm tiến trình thương thuyết về ý nghĩa của VB giữa tác giả, người đọc – GV và những người đọc – HS trong cộng đồng lớp học. Các loại kiến thức nền, sự tương tác giữa những người đọc trong cộng đồng lớp học, những nhiệm vụ học tập mà GV giao cho HS, sự khuyến khích của GV, môi trường văn hoá xã hội của lớp học là những nhân tố tác động đến cuộc thương thuyết này. GV vừa là một trong những người đọc (có kinh nghiệm hơn) trong lớp học, vừa là người tổ chức tiến trình tương tác này. Vai trò của GV không phải là người truyền thụ hiểu biết của bản thân về VB cho HS. HS không phải là người ghi chép những gì GV đọc, học thuộc những lời giảng của GV mà là những người tham gia vào quá trình kiến tạo nghĩa cho văn bản. Quy mô và mức độ của sự tương tác giữa những người đọc (HS – HS, HS – GV) sẽ rất phong phú, nếu GV biết cách tổ chức cho HS thảo luận, chia sẻ ý tưởng, nhận thức về VB và về những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên. Đọc là quá trình “kiến tạo ý nghĩa, một quá trình đầy thử và sai, loại bỏ cái sai, dần dần xác lập cái đúng” (Trần Đình Sử, *Đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn*, Tạp chí *Dạy và học ngày nay*, 2014, tr. 15). Nếu việc đọc xảy ra trong một cộng đồng thì sự tương tác với cộng đồng sẽ tác động đến cách lí giải của người đọc về VB. Một VB được nhiều người đọc và thảo luận thì trong quá trình trao đổi, thảo luận, sự va chạm, tương tác giữa những ý tưởng của những người đọc khác có thể giúp cả GV lẫn HS định hình rõ hơn cách hiểu về VB, khơi gợi những ý tưởng khác về VB hoặc điều chỉnh cách hiểu trước đó về VB.



Vì những lí do trên, trong lớp học, GV cần tổ chức cho HS tương tác, thảo luận để HS điều chỉnh cách hiểu về VB và để nhận thấy rằng có nhiều cách hiểu về VB, để học cách trình bày, bảo vệ quan điểm của mình, cách phân biệt và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Nội dung cho HS thảo luận gồm:

– Thảo luận về nội dung và hình thức nghệ thuật của VB: ý nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh, về quan điểm sống, cách hành xử của nhân vật, về quan điểm của tác giả, về cách xây dựng nhân vật, cách sử dụng từ ngữ và các biện pháp nghệ thuật,...

– Thảo luận về những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên, ví dụ vấn đề sử dụng mạng xã hội của HS, GV nên hành xử thế nào nếu vô tình có lỗi với HS,...

– Thảo luận về những ý kiến, quan điểm độc đáo, khác biệt của một HS nào đó trong lớp.

Hình thức tổ chức thảo luận đa dạng, gồm: thảo luận trong nhóm 2 HS hoặc 4 đến 5 HS, thảo luận giữa các HS trong lớp. Sau khi HS thảo luận xong, GV cần cho đại diện các nhóm hoặc một số nhóm (nếu không đủ thời gian) trình bày ý kiến, sản phẩm của mình và các nhóm khác góp ý, nhận xét. Những ý kiến lí giải thú vị, độc đáo của HS, nhóm HS về VB cần được GV khen ngợi, tôn trọng. Dựa trên những ý kiến phản hồi, tranh luận của HS về VB, GV có thể điều chỉnh nội dung dạy học/ điều chỉnh kế hoạch bài dạy. Như vậy, “sản phẩm” của giờ học có sự đóng góp của cả HS lẫn GV chứ không phải chỉ của riêng GV và GV áp đặt cho HS.

#### *4.2.6. Hướng dẫn học sinh kết hợp viết trong quá trình đọc*

Đọc, viết, nói và nghe là bốn kĩ năng giao tiếp có mối quan hệ chặt chẽ, đọc tốt giúp tăng kĩ năng viết, viết giúp tăng kiến thức về ngôn ngữ, giúp đọc tốt hơn, hiểu rõ hơn cái được đọc, nhớ lâu hơn. Hoạt động nghe giúp tăng kĩ năng nói. Hoạt động viết trong quá trình đọc là biện pháp giúp HS thể hiện và lưu giữ ý tưởng bằng hình thức viết (khác với việc viết bài luận về VB sau khi học để kiểm tra kiến thức về VB). Vì thế, trong quá trình đọc, GV cần tổ chức và hướng dẫn HS ghi lại những suy nghĩ, ý tưởng của bản thân trong quá trình đọc bằng nhiều cách khác nhau (ở nhà hoặc trên lớp) bằng nhiều hình thức:

– Ghi những ý tưởng nảy sinh trong quá trình đọc lên những miếng giấy nhỏ (note), dán vào trang sách.

– Điền vào phiếu học tập.

– Làm phiếu từ hay.

– Vẽ sơ đồ kết cấu, sơ đồ tính cách nhân vật, sơ đồ so sánh hai nhân vật, sự kiện,...

– Vẽ tranh thể hiện sự tưởng tượng của mình về nhân vật, sự kiện hoặc cảnh vật được miêu tả trong VB.

– Viết đoạn văn sau khi đọc VB trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về VB hoặc sáng tạo thêm một đoạn viết về nhân vật hoặc viết lại cái kết của VB.

– Viết nhật kí đọc sách.



Những sản phẩm trên của HS có thể thay thế cho việc HS chép máy móc những gì GV đọc hoặc ghi trên bảng. Những gì HS viết, vẽ,... có thể được sử dụng để trao đổi, thảo luận trong giờ đọc hiểu VB đồng thời được tập hợp vào một hồ sơ học tập để làm minh chứng đánh giá quá trình học tập của HS.

### 4.3. Dạy viết

Đối với phần lớn chúng ta, viết không phải là một tài năng bẩm sinh, mà từ khi sinh ra, mỗi người đã có. Để có thể tạo lập một VB, người viết cần có nhiều loại kiến thức khác nhau như kiến thức về đề tài cần viết, kiến thức về cách thức tạo lập VB, thể loại VB, ngôn ngữ và người đọc. Vì thế, tạo lập VB là một kĩ năng cần phải được học và HS cần phải được dạy đồng thời được thực hành nhiều lần. Không chỉ học cách viết mà HS còn học cách giao tiếp có văn hoá. GV trợ giúp, hướng dẫn HS học cách viết bằng cách làm mẫu, hướng dẫn, giải thích, cùng viết với HS, tạo cơ hội cho HS trải nghiệm việc viết, thực hành những kĩ năng vừa học được.

Dưới đây là một số gợi ý dành cho GV khi tổ chức dạy học tạo lập VB.

#### 4.3.1. Thuyết trình

Để giúp HS nhận biết kiểu bài, GV diễn giảng ngắn gọn về những thông tin đã được trình bày trong khung (xem hình dưới), kết hợp với nêu câu hỏi, nêu ví dụ.

**Kể lại một truyện cổ tích** thuộc loại văn kể chuyện, trong đó, người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của mình.

**Yêu cầu đối với kiểu bài:**

- Người kể sử dụng ngôi thứ ba.
- Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.
- Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo, hoang đường.
- Bài văn gồm có ba phần:

Mở bài: giới thiệu truyện cổ tích sẽ kể lại (tên truyện, lí do chọn kể,...).

Thân bài: giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày những sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.

Kết bài: nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.

Cần lưu ý: HS sẽ có cơ hội hiểu rõ hơn về kiểu bài trong bước phân tích VB mẫu, vì thế, khi dạy lí thuyết, GV cần diễn giảng ngắn gọn.

### 4.3.2. Phân tích mẫu

Thể loại là dạng thức của VB, thể hiện cách thức sử dụng ngôn ngữ trong một dạng thức nhất định. Trong chương trình Ngữ văn 6, HS học cách tạo lập các kiểu VB: biểu cảm, tự sự, sáng tác, tả cảnh, nghị luận, thuyết minh. Để có thể tạo lập được VB theo các kiểu loại, trước tiên, HS cần được học để hiểu rõ kiểu loại này khác với kiểu loại kia như thế nào. Để đạt được mục tiêu này, GV cần hướng dẫn HS phân tích VB mẫu. Hướng dẫn HS phân tích VB mẫu là phương pháp hướng dẫn HS đọc, quan sát, phân tích nội dung, cấu trúc một VB mẫu, cách thức ngôn ngữ được sử dụng trong VB để qua đó, HS học cách tạo lập kiểu VB. Như vậy, HS không học lí thuyết suông về VB như cách dạy hiện nay mà học lí thuyết thông qua một VB mẫu, tức một ví dụ cụ thể.

Trong SGK đã có những VB mẫu thể hiện các đặc điểm của từng kiểu VB. Để hướng dẫn HS phân tích mẫu, qua đó, học cách tạo lập VB tương tự, GV cần: (1) tìm hiểu kĩ các yêu cầu về kiểu loại VB mà chương trình đã đề ra; (2) nghiên cứu kĩ VB mẫu trong SGK để hiểu rõ đặc điểm kiểu loại VB; (3) chuẩn bị VB mẫu trên bảng phụ hoặc trên phần mềm Word để trình chiếu trên lớp, hoặc trên một phiếu học tập để phát cho các nhóm HS.

Tiến trình hướng dẫn HS phân tích VB mẫu được thực hiện như sau:

Bước 1: Hướng dẫn phân tích mẫu

Chia HS thành từng nhóm nhỏ, yêu cầu đọc, quan sát VB mẫu, sau đó GV cho HS lần lượt thảo luận các câu hỏi hoặc điền vào các phiếu học tập:

- Phân tích cấu trúc VB (gồm các phần mở bài, thân bài, kết bài) để nhận biết cấu trúc chung của VB.
- Phân tích các đặc điểm của từng phần để nhận biết yêu cầu, đặc điểm của từng phần trong VB.
- Phân tích các đặc điểm ngôn ngữ được sử dụng trong VB để nhận biết yêu cầu về ngôn ngữ đối với kiểu VB đó.

#### Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

##### Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

Mở  
đoạn

Công cha như núi ngất trời  
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông  
Núi cao biển rộng mênh mông  
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi.

Thân  
đoạn

Bài ca dao trên luôn gợi cho tôi những cảm xúc sâu lắng<sup>(1)</sup> về "công cha, nghĩa mẹ"<sup>(1)</sup>. Với âm hưởng ngọt ngào của thể thơ lục bát, bài ca dao làm tôi nhớ<sup>(1)</sup> đến lời ru thân thương thuở nào. Những hình ảnh so sánh quen thuộc như "núi ngất trời"<sup>(2)</sup> và "nước ở ngoài biển Đông"<sup>(2)</sup> giúp tôi hình dung về công lao không thể nào đong đếm được của đấng sinh thành.<sup>(1)</sup> Đúng vậy, làm sao có thể kể hết bao khó khăn, nhọc nhằn mà cha mẹ đã trải qua để nuôi dưỡng chúng

<sup>(1)</sup> Câu chủ đề của đoạn văn.

<sup>(2)</sup> Những từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát.



**Kết  
đoạn**

ta nên người!<sup>(1)</sup> Câu cuối “cù lao chín chữ ghi lòng con ơi”<sup>(2)</sup> là lời dặn dò chân thành, tha thiết và cũng là lời dạy của người xưa về bốn phận làm con. Làm con là phải khắc ghi công ơn trời biển ấy. Những câu ca dao về tình cha, nghĩa mẹ như vậy đã nuôi dưỡng tâm hồn tôi từ thơ bé, giúp tôi thấm thía những yêu thương mà mình nhận được trong đời.

<sup>(2)</sup> Những từ ngữ trong ngoặc kép là những bằng chứng được trích từ bài ca dao để làm rõ cảm xúc của người viết.

(Bài học sinh có chỉnh sửa)

**Bước 2:** Khái quát các đặc điểm chung của kiểu VB

Yêu cầu cá nhân hoặc nhóm HS rút ra các đặc điểm chung của VB mẫu.

Hướng dẫn HS phân tích VB mẫu là sự thể hiện của việc tích hợp dạy đọc với dạy viết, nhưng mục đích chính không phải là để hiểu nội dung VB mà là để học cách tạo lập VB tương tự.

**4.3.3. Làm mẫu kỹ năng viết**

Tạo lập VB là một hoạt động nhận thức phức tạp, để biết cách tạo lập một VB, HS cần được học cách làm. Trong lớp học, GV chính là một người viết có kinh nghiệm, cần giải thích và làm mẫu kỹ năng viết xảy ra như thế nào cho HS quan sát, để từ đó học cách làm, ví dụ: cách phân tích đề, cách lập dàn ý, cách viết câu chủ đề, cách viết mở bài, kết bài,... Để HS có thể “thấy” và hiểu được những hoạt động tư duy xảy ra trong đầu GV khi viết, ví dụ như khi nảy sinh, chọn lựa các ý tưởng, viết thành câu rồi lại xoá, bổ sung,... GV cần phải nói to những suy nghĩ của mình, trực quan hoá cách làm của mình bằng những lời nói (kỹ thuật think-aloud). Điều này tương tự như một GV toán trình bày cách giải bài toán của mình bằng lời nói để giúp HS “nhìn thấy” logic tư duy của GV khi giải toán.

Trong quá trình làm mẫu cách viết, GV nên:

- Giải thích mục đích của việc GV làm mẫu là để HS học cách viết.
- Nói rõ kỹ năng mà GV sẽ làm mẫu cho HS, ví dụ: Hôm nay chúng ta sẽ học cách triển khai luận điểm trong bài văn nghị luận,...
- Yêu cầu HS chú ý nghe những gì GV nói, quan sát các hoạt động viết của GV, ghi lại những gì HS quan sát được về cách tạo lập VB, ví dụ: Cô giáo đã lập dàn ý bằng cách,...
- Chọn một phương diện cụ thể của kiểu loại VB để làm mẫu, ví dụ: cách viết mở bài cho một bài văn nghị luận, cách triển khai một luận điểm. Nếu làm mẫu cách viết toàn bộ một bài văn trong một tiết thì sẽ gây quá tải cho HS.
- Trong quá trình làm mẫu kỹ năng viết, GV nên dùng máy chiếu hoặc bảng phụ để vừa viết vừa nói to những suy nghĩ của mình khi viết. Điều này giúp HS nhìn rõ những ý tưởng của GV đang được thể hiện như thế nào trên trang giấy, kể cả những phút ngập ngừng để suy nghĩ tiếp, để tìm từ thích hợp, những đoạn viết ra xong lại xoá đi, cách chọn ý nào là luận điểm, cách đưa dẫn chứng chứng minh cho luận điểm,... Ví dụ, vừa viết, GV vừa nói:

- + Viết câu mở bài thế nào cho hấp dẫn người đọc nhỉ?
- + Đến đây, cô sẽ xuống dòng, chuyển qua một đoạn khác.
- + Thầy nghĩ là thầy phải nhìn lại dàn ý xem có bỏ sót ý nào không?
- + Có lẽ là cần thay thế từ “...” bằng từ “...” thì mới phù hợp.
- + ...

– Sau khi kết thúc việc làm mẫu, GV yêu cầu HS trình bày những gì đã nghe và quan sát được về cách tạo lập VB của GV, những bài học kinh nghiệm mà HS rút ra được sau khi quan sát và có thể vận dụng khi tạo lập một VB tương tự về kiểu loại.

- Yêu cầu HS thực hành viết.

*Lưu ý:*

– Trong quá trình làm mẫu, GV không nêu câu hỏi, yêu cầu HS phát biểu, đề xuất ý tưởng, cách của HS.

- GV cần giải thích rõ cái mình đang nghĩ, đang viết và tại sao lại viết như vậy.

#### **4.3.4. Hướng dẫn quy trình viết**

Viết là một tiến trình người viết tìm kiếm thông tin, nảy sinh và định hình các ý tưởng có trong đầu, là quá trình chuyển hoá các thông tin, ý tưởng đó thành ngôn từ, thể hiện trong một thể thức VB nhất định. Đó là tiến trình của sự khám phá không ngừng, thông qua ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ để tìm hiểu về thế giới, đánh giá những gì chúng ta học hỏi được từ thế giới xung quanh và truyền đạt những gì chúng ta hiểu. Thực chất, tiến trình này không có điểm dừng, bởi vì ngay cả khi chúng ta đã viết ra một VB, thì chúng ta vẫn phải đọc lại, thêm bớt, chỉnh sửa nhiều lần. Mỗi lần đọc lại, chỉnh sửa là mỗi lần người viết tạo ra VB tốt hơn VB trước chứ không có VB hoàn chỉnh. Tiến trình này gồm các bước: (1) chuẩn bị trước khi viết, bao gồm xác định đề tài, thu thập tư liệu, mục đích viết, người đọc tương lai; (2) tìm ý, lập dàn ý; (3) viết bài; (4) xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. HS cần được hướng dẫn thực hiện từng bước, qua đó, học cách trình bày ý tưởng của mình bằng hoạt động viết. Cần lưu ý: chỉnh sửa không phải chỉ được thực hiện ở bước 4 mà được thực hiện trong toàn bộ tiến trình viết, khi người viết thường xuyên nhìn lại yêu cầu của đề bài, mục đích và đối tượng giao tiếp để điều chỉnh ý tưởng, lập dàn ý, viết bản thảo. Tiến trình này thể hiện quan điểm viết, tập trung vào quá trình tạo lập VB chứ không phải chỉ tập trung vào sản phẩm cuối cùng – bài viết của HS. HS cần được học cách viết trước khi làm bài kiểm tra để GV đánh giá năng lực viết của HS.

Vì “viết là một tiến trình” nên GV không áp đặt quan điểm của mình, không lập dàn ý mẫu cho HS sao chép mà tổ chức cho HS học cách viết trong suốt tiến trình tạo lập VB với sự trợ giúp của GV, sự tương tác với các bạn học. Các hoạt động học được tổ chức “xung quanh những trải nghiệm cá nhân của người học và những ý kiến. Viết được xem là một hành động sáng tạo của sự tự khám phá. Điều này giúp làm nảy sinh sự tự ý thức



về hoạt động viết ở vai trò xã hội và năng lực văn chương cũng như giúp suy nghĩ thông suốt và tự thể hiện một cách hiệu quả” (Hyland, 2003, tr. 9).

Vai trò của GV trong dạy học viết dựa trên tiến trình là trợ giúp, tư vấn, là người đọc, người lắng nghe, là người tạo ra môi trường để HS cảm thấy thoải mái, tự tin tìm ra giọng điệu của chính mình để chia sẻ sản phẩm của họ. GV cần tạo cho HS cơ hội chọn lựa chủ đề VB, tự thực hiện hoạt động viết, xem xét, khám phá sự phát triển của những ý tưởng của chính HS và bạn học, viết nháp, thử nghiệm các hình thức VB khác nhau mà HS cho là sẽ giúp các em giao tiếp tốt hơn. Qua đó, HS học cách tạo lập VB. Điều này hoàn toàn khác với cách dạy tập trung vào việc phân tích những bài mẫu có sẵn và copy các bài mẫu.

Để làm được điều này, GV phải tạo ra môi trường học tập thoải mái, khuyến khích, trợ giúp HS trong suốt tiến trình viết. Sản phẩm của HS cần được thảo luận xem các em có thể làm gì để bài viết tốt hơn. GV cần làm cho HS hiểu hoạt động viết là hoạt động tiếp diễn, sự thay đổi, phát triển ý tưởng luôn tiếp tục xảy ra cho đến khi có sản phẩm cuối cùng. Đồng thời, GV cần phải kiên nhẫn, cho HS đủ thời gian để nảy sinh ý tưởng, thu thập thông tin, đọc lại và chỉnh sửa.

Nhiệm vụ của HS không chỉ là tạo lập VB mà còn là phản hồi, tự đánh giá, đánh giá bài viết của bạn, chỉnh sửa nhiều lần để tạo ra VB tốt hơn.

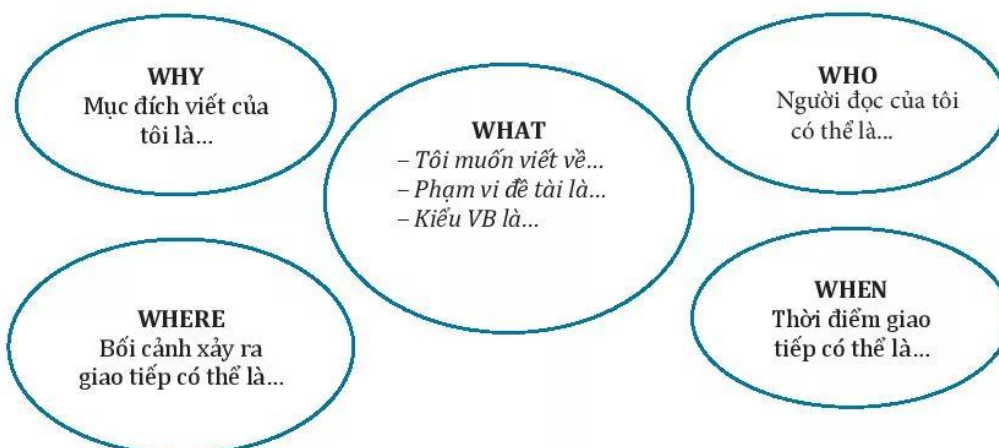
Cách dạy này khác với cách dạy hiện nay: GV cung cấp lí thuyết về cách viết cho HS, cung cấp bài mẫu, sau đó giao đề tài cho HS, HS sao chép bài mẫu.

Để hướng dẫn HS thực hiện quy trình viết, GV cần thực hiện những biện pháp sau:

a. Ra đề bài để HS có cơ hội học bằng cách làm, thông qua làm. Yêu cầu đối với đề bài là phải gắn với những vấn đề của thực tế, nằm trong tầm quan tâm, nhận thức của HS để HS có đủ kiến thức nền vào tạo lập VB, đồng thời hình dung được bối cảnh, mục tiêu, đối tượng giao tiếp. Đề bài cũng cần có tính mở để HS có thể trình bày những suy nghĩ, ý tưởng của bản thân. GV cũng nên khuyến khích HS tự nghĩ về những đề tài mà các em quan tâm, mong muốn được chia sẻ.

b. Hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài viết, mục đích viết, người đọc tương lai. Viết là một trong những cách để chúng ta giao tiếp với những người khác, là một hoạt động tương tác xã hội. Và để giao tiếp hiệu quả, chúng ta cần xác định nội dung sẽ viết, mục đích viết, người đọc tương lai. Nghĩa là khi giao tiếp dù bằng hình thức nào, người nói, người viết cũng cần trả lời các câu hỏi: Đối tượng giao tiếp của tôi là ai? Mục đích, nội dung giao tiếp là gì? Với đối tượng và mục đích đó, nội dung và cách thức giao tiếp nên như thế nào?

Vì thế, trong bước này, GV nên sử dụng 5W trong mô hình 5W1H (WHAT, WHO, WHY, WHERE, WHEN, HOW) để hướng dẫn HS thảo luận, xác định đề tài, mục đích và đối tượng giao tiếp bằng cách điền vào sơ đồ sau:



(Lưu ý: chỉ nên sử dụng hai câu hỏi WHERE, WHEN khi đề bài cung cấp thông tin về bối cảnh và thời điểm giao tiếp)

Biện pháp trên nhằm giúp HS động não, kích hoạt kiến thức nền của HS về đề tài, hình dung trước mục đích giao tiếp, đặt mình vào vai người đọc tương lai để hiểu nhu cầu của người đọc cũng như hình dung bối cảnh, thời gian xảy ra giao tiếp. Qua đó, giúp HS hiểu rằng mục đích viết không chỉ là để trả bài, chấm điểm; đối tượng đọc không chỉ là GV mà còn là nhiều đối tượng người đọc khác, hướng đến nhiều mục đích khác.

c. Hướng dẫn học sinh tìm ý, lập dàn ý bằng cách:

– Yêu cầu HS thu thập thông tin liên quan đến đề tài, kiểu VB trong sách, trên mạng, trong điện thoại, máy tính hoặc album ảnh cá nhân.

– Liệt kê bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong đầu bằng cách viết ra những từ, cụm từ liên quan, không cần quan tâm đến ngữ pháp, chính tả.

– Trả lời câu hỏi HOW (mô hình 5WH): những ý tưởng của tôi sẽ được thể hiện bằng hình thức nào (hình thức của một bài văn nghị luận hay một bài văn kể chuyện,...).

– Sau đó, dùng sơ đồ đã vẽ ở trên để tự hỏi:

+ Những ý tưởng đã nêu có phù hợp với yêu cầu của đề tài hoặc thể hiện được những suy nghĩ của tôi, có thể hiện được mục tiêu?

+ Nếu tôi là người đọc thì những ý tưởng trên đã đáp ứng được yêu cầu của tôi?

+ Có cần thêm hoặc bớt ý tưởng nào?

+ Có cần tìm thêm thông tin? Tìm ở đâu?

Việc trả lời những câu hỏi trên có tác dụng giúp HS bổ sung kiến thức còn thiếu, kích hoạt kiến thức nền, nhận diện “con đường” cần tiếp tục khám phá, phát triển năng lực đánh giá và tự điều chỉnh. Cũng có thể cho cá nhân hoặc nhóm HS trao đổi ý tưởng để góp ý cho nhau.



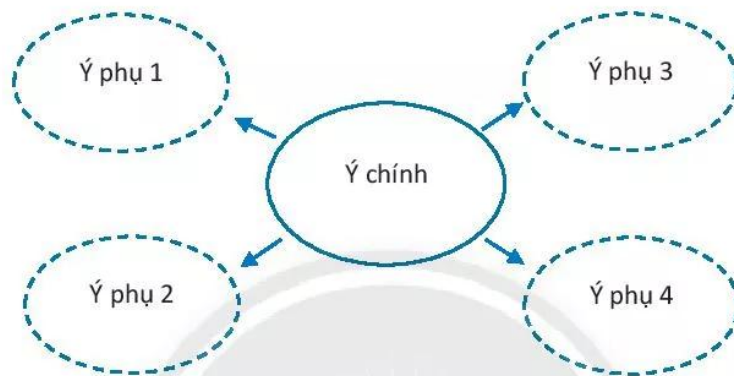
Sau đó, hướng dẫn HS lập dàn ý. Trong bước này, GV hướng dẫn HS phát triển các ý tưởng đã liệt kê thành dàn ý chi tiết bằng cách:

– Tiếp tục trả lời câu hỏi HOW (mô hình 5W1H): Bài viết của tôi sẽ được viết theo thể thức (kiểu VB) như thế nào?

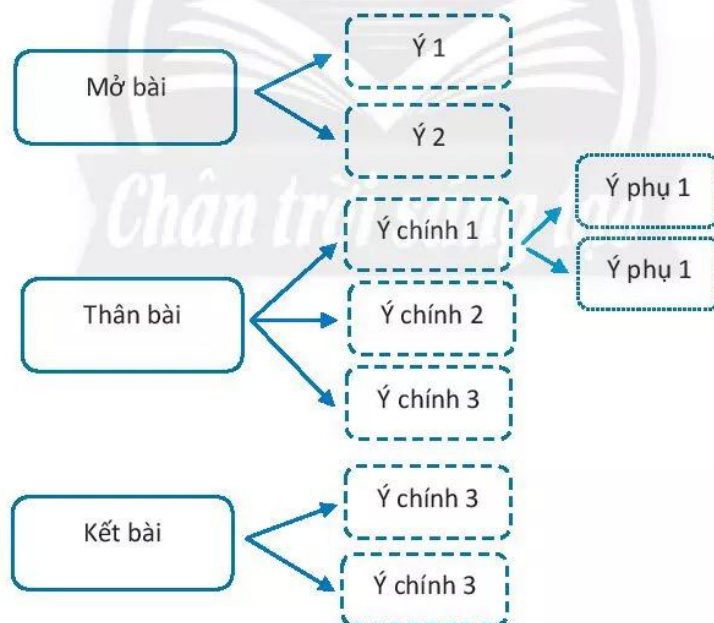
– Đánh số các ý tưởng theo trình tự sẽ xuất hiện trong dàn ý.

– Thể hiện các ý tưởng thành sơ đồ (sơ đồ mạng hoặc sơ đồ chuỗi):

+ Sơ đồ mạng:



+ Sơ đồ chuỗi:



– Sau đó, hướng dẫn HS nhìn lại sơ đồ dàn ý để trả lời các câu hỏi:

+ Dàn ý của tôi đã đủ ý, đã đáp ứng được yêu cầu của đề tài hoặc thể hiện được những suy nghĩ của tôi chưa?

- + Dàn ý của tôi có thể hiện được mục tiêu không?
- + Các ý trong dàn ý có phù hợp với người đọc không?
- + Có nên thêm bớt hoặc điều chỉnh trình tự các ý không?

Cũng có thể cho cá nhân/ nhóm HS trao đổi bản sơ đồ dàn ý để góp ý cho nhau.

Việc hướng dẫn HS vẽ sơ đồ dàn ý giúp cho HS có được “bản vẽ thiết kế” của “ngôi nhà” tương lai, giúp HS không bỏ sót ý, phát triển tư duy logic và hiểu sự cần thiết của việc lập dàn ý trước khi viết.

Ở bước này, GV có thể sử dụng một số phương pháp, kĩ thuật dạy học như: đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác, sơ đồ tư duy, động não,...

#### d. Viết bài

Trước khi HS viết bài, GV cần cung cấp cho HS tiêu chí đánh giá VB hoặc bảng kiểm và giải thích rõ ý nghĩa của từng tiêu chí để giúp HS định hướng bài viết của mình. Bảng tiêu chí này được xây dựng dựa trên đặc điểm, yêu cầu của kiểu loại VB (kiểu bài nghị luận, kiểu bài kể chuyện, ...).

Như vậy, các tiêu chí, bảng kiểm có hai chức năng: (1) hướng dẫn cách làm; (2) công cụ để HS tự đánh giá bài viết của mình và đánh giá lẫn nhau. Qua đó, HS có thể được hình thành và phát triển khả năng tự định hướng, tự điều chỉnh. Tiêu chí còn là công cụ để GV đánh giá HS.

GV có thể chọn những cách sau để hướng dẫn tổ chức cho HS viết bài:

- Yêu cầu mỗi nhóm viết một đoạn trong dàn ý (có thể viết lên giấy A0/A1), sau đó, treo sản phẩm của các nhóm lên bảng theo trình tự bài viết để thảo luận chung trên lớp.
- Yêu cầu mỗi HS vẽ nhà viết bài hoàn chỉnh dựa trên dàn ý.
- Nhắc HS dùng các từ nối để làm cho bài văn liền mạch.

#### đ. Tổ chức cho HS xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

Chỉnh sửa là thực hiện các thay đổi vào bất kì thời điểm nào trong tiến trình viết, liên quan đến việc nhận dạng sự khập khiễng giữa cái dự định viết và cái được viết ra, những quyết định cái gì có thể hoặc nên thay đổi trong bài viết và làm thế nào để sửa lại. Trong những bước trên, khi đối chiếu ý tưởng, dàn ý với yêu cầu của đề bài, mục đích viết và người đọc, người viết đã thực hiện chỉnh sửa từng phần của bài viết. Sau khi viết xong bản thảo, người viết đọc lại toàn bài và thực hiện chỉnh sửa toàn bài. Tiến trình chỉnh sửa bao gồm các hoạt động: đánh giá, chọn lựa cách chỉnh sửa. Để có thể chỉnh sửa, người chỉnh sửa phải có kiến thức về đề tài, kiểu bài, ngôn ngữ, người đọc. Vì thế, chỉnh sửa không phải là việc dễ thực hiện nếu không có sự hiểu biết về yêu cầu của kiểu bài.

Hoạt động chỉnh sửa có thể được thực hiện bởi nhiều chủ thể: người viết – HS, người đọc – HS khác, người đọc – GV. Những người đang học cách viết như HS thì hầu như



chưa có kinh nghiệm về việc chỉnh sửa nên GV cần hướng dẫn cách phát hiện lỗi và chỉnh sửa cũng như cách phản hồi văn minh.

Tiến trình tổ chức cho HS chỉnh sửa nên được thực hiện như sau:

– GV giải thích rõ từng yêu cầu của bảng kiểm để HS hiểu rõ yêu cầu đối với kiểu bài.  
– Hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm hoặc tiêu chí đánh giá bài viết để tự kiểm tra và điều chỉnh bài viết.

– GV làm mẫu cách góp ý cho một bài viết để HS học cách góp ý.

– Hướng dẫn HS chỉnh sửa bài lẫn nhau theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ dựa trên bảng kiểm theo các bước:

+ Chia nhóm, mỗi HS đọc bài viết của mình, giải thích ý định, mục đích viết.

+ HS góp ý bài viết của bạn dựa trên bảng kiểm và nêu câu hỏi những chỗ chưa rõ.

+ Người viết lắng nghe, ghi chép các ý kiến góp ý, trả lời câu hỏi.

– Sau đó, GV chọn một vài sản phẩm của các nhóm (sản phẩm tốt và chưa tốt) để rút kinh nghiệm chung trên lớp, chốt lại những kiến thức về cấu trúc VB, về cách viết.

– Khuyến khích HS về nhà tiếp tục chỉnh sửa bài viết.

*Lưu ý:*

– Nếu tổ chức cho HS đánh giá lẫn nhau theo nhóm đôi, cần chú ý chia nhóm theo nguyên tắc: HS yếu – HS trung bình, HS trung bình – HS khá, HS khá – HS giỏi để HS kém hơn không bị áp lực. Không chia theo cặp quá chênh lệch về khả năng, ví dụ: HS giỏi, khá với HS trung bình, HS yếu để những HS này không có cảm giác quá chán khi đọc bài của HS kém hơn mình nhiều lần.

– Nếu tổ chức cho HS chỉnh sửa bài lẫn nhau trong nhóm nhỏ thì mỗi HS phải có cơ hội lần lượt đọc bài của mình cho cả nhóm góp ý.

– Những sơ đồ dàn ý, bản nháp,... của HS được lưu lại trong một hồ sơ học tập để đánh giá quá trình học tập của HS.

Các biện pháp trên có tác dụng giúp HS – người viết phát triển năng lực tự đánh giá, tự điều chỉnh, đặt mình vào vai trò người đọc để hiểu cảm xúc, suy nghĩ của người đọc, nhận ra người đọc cần gì ở VB này, hiểu cách người đọc tiếp nhận và phản hồi về VB của mình như thế nào, từ đó có những chỉnh sửa hoặc thay đổi phù hợp.

Đối với HS – người đọc, qua việc đọc sản phẩm của bạn, các em được học và hình thành năng lực phản biện, đặt mình vào vai trò người viết để hiểu cách họ tạo lập VB, học cái hay của bạn, nhận ra cái dở trong bài viết của bạn để tránh những lỗi tương tự khi viết. Không những thế, HS còn học kĩ năng giao tiếp: cách nhận xét, đánh giá dựa trên minh chứng, cách lập luận và cách nói năng lịch sự.

#### **4.4. Dạy Nói và nghe**

Để nói, nghe hiệu quả, người nói và người nghe cần có nhiều loại kiến thức như kiến thức về chủ đề muốn nói, ngôn ngữ, hiểu biết về các loại văn phong của ngôn ngữ nói, đối tượng giao tiếp, cách giao tiếp với những đối tượng khác nhau, sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và viết, hiệu quả của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Không chỉ học cách nói, nghe mà HS còn học cách giao tiếp có văn hoá.

HS học cách nói và nghe trong quá trình HS đọc và viết, trong tiết nói và nghe qua các hoạt động thảo luận, chia sẻ những gì đã đọc và viết. GV cần tổ chức cho HS đóng vai là người nghe, người nói để hình dung được cảm xúc, suy nghĩ của người nói, người nghe. Qua đó, không chỉ học cách nói mà còn học được cách dự đoán tâm lí người nghe, cách đồng cảm với người nói, cách phản hồi phù hợp.

##### **4.4.1. Dạy nói**

Khi dạy nói, GV cần:

– Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi như người nghe của tôi là ai, họ muốn biết những gì về điều tôi sẽ nói, mục đích nói của tôi là gì. Từ đó, hướng dẫn HS xác định nội dung nói và cách nói.

– Hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài nói (dựa trên bài viết đã viết) về nội dung và về cách nói (cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận). Trong trường hợp HS đã có bài viết thì hướng dẫn HS chuyển nội dung bài viết thành bài nói.

– Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để kiểm soát bài nói của bản thân.

##### **4.4.2. Dạy nghe**

Khi dạy HS nghe, GV nên:

– Làm mẫu cách lắng nghe người nói bằng cách: nhìn vào mặt người nói, nêu câu hỏi cho người nói về những gì chưa rõ, nhắc lại điều người nói vừa trình bày để đảm bảo hiểu đúng ý người nói.

– Dùng mảnh giấy nhỏ ghi chép vắn tắt những gì đã nghe.

– Dùng bảng kiểm để góp ý cho bài nói của bạn bằng giọng điệu nhẹ nhàng và bằng những mẫu câu như: Bài nói của bạn rất hay nhưng nếu có thể, bạn làm rõ thêm,...; Nếu là tôi, tôi sẽ,...; Nên chăng bạn tập trung vào nội dung....

##### **4.4.3. Dạy nói – nghe tương tác**

Hướng dẫn HS:

– Kiên nhẫn chờ đến lượt mình nói, không ngắt lời người nói.

– Nói tiếp cuộc hội thoại bằng những câu hỏi, lời nhận xét, bổ sung gắn với chủ đề cuộc thảo luận/ tranh luận/ đối thoại.



- Tôn trọng người nói và những ý kiến khác biệt.
- Hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

*Lưu ý:* bản thân cách nói của GV trong quá trình dạy chính là “mẫu” mà HS hằng ngày quan sát, học hỏi. Vì thế, GV phải học cách nói sao cho gãy gọn, rõ ràng, phù hợp đối tượng người nghe.

#### **4.5. Dạy tiếng Việt**

Việc dạy tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 không nhằm cung cấp kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ, mà nhằm phục vụ việc đọc hiểu và tạo lập các loại VB. Do đó, trong sách *Ngữ văn 6*, ngữ liệu được sử dụng trong dạy học tiếng Việt chính là ngữ liệu của VB đọc. Điều này giúp HS gắn kết được các kiến thức ngôn ngữ vào quá trình tiếp nhận VB, từ đó có thể nâng cao kĩ năng đọc hiểu. Tuy nhiên GV cũng có thể cân nhắc thêm những ngữ liệu gắn với thực tế sử dụng ngôn ngữ trong đời sống hằng ngày để tạo hứng thú cho HS.

Ngoài ra, để việc dạy học các đơn vị kiến thức tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đạt hiệu quả, GV cần tích hợp dạy tiếng Việt vào các hoạt động dạy học các kĩ năng khác như viết, nói và nghe.

Khi tổ chức dạy học tiếng Việt, GV cần chú ý đến trình độ tiếng Việt của HS để tận dụng, phát huy những ưu điểm cũng như khắc phục sai sót trong việc học tiếng Việt của HS. Việc chú ý đến trình độ tiếng Việt của HS còn giúp định hướng cách dạy với các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp.

Từ những định hướng ấy, việc dạy học tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 6* gồm hai nội dung chính là:

*Tri thức tiếng Việt:* trình bày những khái niệm về tiếng Việt đã xuất hiện trong văn bản đọc hiểu để giúp các em vận dụng vào quá trình đọc và tạo lập VB.

*Thực hành tiếng Việt:* gồm thực hành luyện tập, vận dụng những kiến thức tiếng Việt vừa được học và những kiến thức đã học ở các bài trước, lớp trước.

Trong đó, nội dung trọng tâm của việc dạy học tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 6* là thực hành. Thông qua thực hành, HS sẽ hiểu hơn về các đơn vị kiến thức tiếng Việt và vận dụng chúng vào thực tế sử dụng ngôn ngữ.

Với định hướng như vậy, việc tổ chức dạy học tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 6* nên được thực hiện với một số gợi ý sau:

##### **4.5.1. Dạy tri thức tiếng Việt**

GV có thể sử dụng một số phương pháp, kĩ thuật sau:

- Thuyết trình: dùng lời để thông báo, giới thiệu, giải thích cho HS về những đơn vị kiến thức mới.

– Đàm thoại gợi mở: sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS phân tích các ngữ liệu mẫu, từ đó đi đến việc rút ra các đơn vị kiến thức tiếng Việt cơ bản.

– Phân tích mẫu: sử dụng mẫu ngữ liệu được cung cấp ở phần *Tri thức tiếng Việt* hoặc GV tự lựa chọn kết hợp với câu hỏi để hướng dẫn HS quan sát, phân tích ngữ liệu theo định hướng của bài học để giúp HS rút ra nội dung kiến thức cần lĩnh hội.

– Kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan (sơ đồ, biểu bảng, ...) để hỗ trợ HS lĩnh hội kiến thức.

Ngoài ra, GV có thể sử dụng một số kĩ thuật như công não, KWL để khơi gợi, huy động tri thức nền của HS về những đơn vị kiến thức tiếng Việt vốn có của HS.

Vì nội dung *Tri thức tiếng Việt* không phải là trọng tâm của giờ dạy học nên GV không nên dành quá nhiều thời gian để dạy phần này mà nên tập trung vào phần thực hành để tổ chức cho HS vận dụng tri thức đã học vào làm bài tập. Qua đó, HS hiểu rõ lí thuyết đã học.

#### **4.5.2. Dạy Thực hành tiếng Việt**

Đối với những nội dung *Thực hành tiếng Việt*, GV có thể sử dụng một số phương pháp, kĩ thuật dạy học sau:

– Đàm thoại gợi mở: sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS giải quyết các bài tập thực hành hoặc dùng câu hỏi để kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành của HS.

– Dạy học hợp tác: tổ chức cho HS thảo luận nhóm để thực hành, trao đổi, chia sẻ kết quả bài tập, đồng thời tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về mức độ thông hiểu và vận dụng kiến thức.

– Thực hành trò chơi: để kích thích động cơ, hứng thú học tập của HS.

Ngoài ra, GV có thể kết hợp với việc sử dụng một số kĩ thuật như khăn trải bàn đối với những bài tập khó, kĩ thuật sơ đồ tư duy,...

#### **4.6. Dạy Viết ngắn/ viết đoạn**

Đây là nội dung dạy học mang tính tích hợp cao: tích hợp kĩ năng đọc với viết, tích hợp nội dung tiếng Việt vào hoạt động đọc và viết. Vì vậy, GV có thể tổ chức dạy học theo những gợi ý dưới đây:

– Hướng dẫn HS viết theo hình thức cá nhân. Lưu ý HS vận dụng những hiểu biết đã có từ các VB vừa đọc và tri thức tiếng Việt vừa học vào viết đoạn/ viết ngắn.

– Tổ chức cho HS chia sẻ, trao đổi đoạn viết với nhau theo hình thức cặp đôi hoặc công bố trên bản tin học tập của lớp.

– Hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng bằng bảng kiểm (checklist) hoặc kĩ thuật 321.

– Tổ chức nhận xét, đánh giá, sửa chữa một vài sản phẩm tiêu biểu.



– Nhắc HS lưu giữ sản phẩm trong hồ sơ học tập cá nhân.

Việc viết ngắn có thể được thực hiện tại lớp hoặc ở nhà tùy theo điều kiện thời gian của lớp học. Tuy nhiên, GV cần tổ chức nhận xét, đánh giá một vài sản phẩm tiêu biểu trên lớp.